

**TÒA ÁN NH DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/DS-PT
Ngày: 09 – 3 – 2021
V/V Tranh chấp đòi lại tài sản.

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NH DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Phương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn;
Bà Đỗ Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyên Thủy là Thư ký Tòa án Nh dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát Nh dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án Nh dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2020/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 162/2020/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Toà án Nh dân thị xã H, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2021/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tạ Đ; cư trú tại: Khu phố N Tây, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định (có mặt).

- Bị đơn: Hợp tác xã Nông nghiệp N; trụ sở tại: Khu phố Ngọc An Đông, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định; đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Ngọc Ng – Giám đốc (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Minh Thu; cư trú tại: Khu phố Ngọc An Đông, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định (có mặt).

2. Ông Huỳnh Văn Hiếu; cư trú tại: Khu phố Ngọc An Trung, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định (có mặt).

3. Ông Phan Châu Thành; cư trú tại: Khu phố Ngọc Sơn Đông, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định (có mặt).

4. Bà Tạ Thị Thao; cư trú tại: 962/18/4A quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

5. Bà Tạ Thị Tín; cư trú tại: Thôn Phú Phong, xã Đại T, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Th (có mặt);

7. Ông Nguyễn Minh Gi (có mặt);

8. Bà Huỳnh Thị Tha (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

9. Bà Lữ Thị Đức (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

10. Bà Tạ Thị Kim D (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Cùng cư trú tại: Khu phố N Tây, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

11. Ông Tạ Văn Cũ; cư trú tại: Ấp 5, xã Vĩnh Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

12. Ông Tạ Văn Nh; cư trú tại: 145/2A, đường Hiệp Bình, khu phố 7, phường H, quận T, thành phố H (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Ông Thái M; cư trú tại: Khu phố N Tây, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: ông Tạ Đ là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI D V U Á N:

Nguyên đơn ông Tạ Đ trình bày:

Từ năm 1990, ông Đ được Nhà nước giao và nhận chuyển nhượng từ cha con ông Trần Khánh 05 ha đất rừng. Ông trồng cây theo chương trình dự án PAM từ năm 1993, 1994. Một hecta trồng 9000 cây, tỉ lệ cây sống là 70%.

Năm 1994, ông được điều động đi làm công trình trong vòng 05 năm theo nhiều đợt. Trong thời gian này, Hợp tác xã nông nghiệp N mà chủ nhiệm hợp tác xã khi ấy là ông Nguyễn Minh Thu và phó chủ nhiệm là ông Nguyễn Th đã tự ý khai thác, lén bán lấy tiền từ số lượng cây mà ông đã trồng trên diện tích đất rừng này. Cụ thể các lần khai thác như sau: năm 1997, khai thác tía, cây nào lớn thì khai thác; đến năm 2002, khai thác một phần rừng, khai thác một lần, chia làm hai đợt, vẫn lựa cây lớn khai thác; đến năm 2003, khai thác phần còn lại, tiếp tục khai thác một lần và chia làm hai đợt. Tổng khai thác là 5 đợt nhưng vì hợp tác xã tự ý khai thác nên phải bồi thường cho ông số cây của 13 đợt khai thác. Tỷ lệ ăn chia giữa chủ rừng và hợp tác xã là 80-20. Ông không ký tên nhận tiền trong các bảng thanh quyết toán. Đến năm 2005 thì ông bán phần diện tích đất này cho người khác.

Nay ông yêu cầu Hợp tác xã Nông nghiệp N bồi thường cho ông giá trị số cây mà hợp tác xã đã bán của ông là 117.000.000.000 (*Một trăm mười bảy tỷ*) đồng.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn Hợp tác xã Nông nghiệp N, ông Nguyễn Ngọc Ng trình bày:

Tháng 5/2011, ông được Đại hội xã viên hợp tác xã nông nghiệp N bầu vào ban quản trị với chức vụ là chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp N theo luật hợp tác xã năm 2003. Trong báo cáo nghị quyết của Đại hội xã viên nhiệm kỳ 2011-2014, hồ sơ bàn giao, sổ sách chứng từ kế toán không có liên quan đến việc quản lý, sản xuất kinh doanh khai thác đất rừng và cũng không nhận được đơn yêu cầu khiếu nại. Hàng năm hợp tác xã đều tổ chức đại hội xã viên thường niên, báo cáo hoạt động lên các ngành chức năng theo quy định của luật hợp tác xã. Đại hội thường niên vào các năm 2012, 2013 và 2014 cũng không nhận đơn yêu cầu hay khiếu nại nào của ông Tạ Đ.

Đối với yêu cầu của ông Tạ Đ, Hợp tác xã nông nghiệp N không đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Minh Thu trình bày: Từ cuối năm 1995, ông là chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp N. Trước kia thì việc chỉ đạo trồng rừng là do ông Nguyễn Văn Tiến, lúc đó là chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp N thực hiện. Về kinh phí hỗ trợ trồng rừng thì dự án hỗ trợ cho người trồng rừng là 100%. Về thành quả khi khai thác rừng, người trồng rừng hưởng 90%. Chi phí chung cho việc tổ chức khai thác là 10%. Việc nhận tiền khai thác đều có ký nhận. Hợp tác xã nông nghiệp N không liên quan đối với vấn đề kinh phí này. Ông

Tạ Đ có yêu cầu khởi kiện nhiều lần cho rằng hợp tác xã và các ông là Nguyễn Minh Thu, Nguyễn Th và Huỳnh Văn Hiếu tự ý bán cây trồng rừng của ông là không đúng. Vụ việc này đã được giải quyết hai lần, một lần ở Ủy ban Nh dân xã T (nay là phường T) và được Ủy ban Nh dân phường kết luận là ông Tạ Đ trình bày không đúng; một lần được công an kinh tế huyện H (nay là thị xã H) đã làm việc với Hợp tác xã và những người có liên quan đi đến kết luận: Việc ông Tạ Đ khởi kiện là hoàn toàn không có cơ sở. Về yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Đ, ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Th trình bày: Năm 1994, ông là phó chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp N. Mọi thanh toán của hợp tác xã đều được ghi nhận lại có chứng từ. Ông Nguyễn Minh Gi phụ trách lâm nghiệp đã thanh toán toàn bộ số tiền khai thác cây trồng rừng cho các hộ. Ông Tạ Đ đã ký nhận trong các chứng từ về vấn đề này. Việc ông Tạ Đ khởi kiện đã làm tổn hại đến danh dự của ông. Ông không đồng ý với yêu cầu của ông Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Huỳnh Văn Hiếu trình bày: Năm 1990, ông phụ trách Th tin văn hóa và giao liên của hợp tác xã nông nghiệp N. Việc khai thác hay bán cây trồng rừng ông hoàn toàn không biết nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Minh Gi trình bày: Năm 1993, 1994, chủ trương của nhà nước phát động trồng cây gây rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Nhà nước hỗ trợ tiền cho bà con thực hiện. Khi ông nhận về đã lập danh sách và phát cho bà con. Hiện nay các chứng từ ông đã bàn giao cho hợp tác xã lưu giữ. Đối với yêu cầu của ông Tạ Đ, ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phan Châu Thành trình bày: Khoảng năm 2002, Hợp tác xã nông nghiệp N tổ chức đấu giá mua cây trồng rừng theo dự án PAM tại Hợp tác xã. Trong cuộc đấu giá, có nhiều bên tham gia bằng hình thức bỏ phiếu kín. Ông là người trúng đấu giá vì mua với giá cao nhất nên hợp tác xã tiến hành bán cây cho ông. Ông mua rừng không chỉ của riêng ông Tạ Đ mà còn mua rừng của nhiều hộ khác nữa. Sau khi đấu giá thành công thì ông tiến hành khai thác. Cứ mỗi chiều thì hợp tác xã lên nghiệm thu và ông trực tiếp trả tiền cho Hợp tác xã. Ông tiến hành khai thác như vậy trong nhiều tháng cho đến khi hết. Ông chỉ giao tiền cho hợp tác xã còn việc phân chia số tiền đó giữa hợp tác xã và xã viên như thế nào thì ông không biết. Trong quá trình khai thác cây, ông Tạ Đ là một trong những chủ rừng tham gia đoàn nghiệm thu và không gây bất cứ trở ngại

nào cho việc khai thác của ông. Ông chỉ là người mua cây, ông khai thác cây hàng ngày và giao tiền cho đoàn nghiệm thu của hợp tác xã. Việc phân chia tiền giữa hợp tác xã với ông Tạ Đ như thế nào thì ông không biết nên không có ý kiến gì về yêu cầu của ông Tạ Đ. Số tiền mua cây là bao nhiêu thì ông không nhớ chính xác nhưng giá trị không lớn, giá trị cây khoảng như thể hiện trong các “Bảng thanh quyết toán bạch đàn đợt I/2002 và đợt I/2003”. Giá trị cây bạch đàn tại thời điểm đó rất thấp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Tha trình bày: Yêu cầu tòa xét xử công bằng về việc bồi thường thiệt hại tài sản. Bà xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Lữ Thị Đức, bà Tạ Thị Thao, bà Tạ Thị Tín, ông Tạ Văn Nh, ông Tạ Văn Cử, bà Tạ Thị Kim D trình bày: Việc tranh chấp là của ông Tạ Đ các ông, bà không có liên quan gì và không có yêu cầu hay tranh chấp gì đối với nguyên đơn, bị đơn và các ông, bà đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bản án dân sự sơ thẩm số:162/2020/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án Nh dân thị xã H, tỉnh Bình Định quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Đ đối với Hợp tác xã nông nghiệp N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí giám định, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 14/9/2020, ông Tạ Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử buộc Hợp tác xã nông nghiệp N và các ông Nguyễn Minh Thu, Nguyễn Th, Nguyễn Minh Gi, Nguyễn Ngọc Ng, Huỳnh Văn Hiếu bồi thường cho ông số tiền 117.000.000.000 đồng (Một trăm mười bảy tỷ đồng).

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tổ tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận kháng cáo của ông Tạ Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số:162/2020/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án Nh dân thị xã H, tỉnh Bình Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Tạ Đ, HĐXX thấy rằng: Tòa án Nh dân thị xã H bác yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Đ đối với Hợp tác xã nông nghiệp N là có căn cứ, bởi lẽ:

[1.1] Thứ nhất: Năm 1993 hộ gia đình ông Tạ Đ được Nhà nước giao đất để thực hiện dự án PAM 4304 của Chính phủ, ngoài ra hộ gia đình ông Tạ Đ còn nhượng chuyển nhượng thêm đất của người khác nên tổng diện tích tham gia dự án của hộ gia đình ông Tạ Đ là 05ha. Hộ gia đình ông Tạ Đ đã nhận cây bạch đàn giống và đã được thanh toán giá trị lương thực hỗ trợ cho các hộ trồng rừng theo dự án năm 1993, 1994 đầy đủ (BL: 70-77). Năm 2005 hộ ông Tạ Đ đã chuyển nhượng đất này cho người khác.

[1.2] Thứ hai: Năm 2002, 2003 Hợp tác xã nông nghiệp N tiến hành khai thác cây tia và khi tổ chức đấu giá để bán số cây này thì ông Phan Châu Thành trúng đấu giá. Thời điểm này hợp tác xã nông nghiệp N tiến hành khai thác bạch đàn của rất nhiều người trong đó có hộ ông Tạ Đ và hộ gia đình ông Tạ Đ không có ý kiến, cản trở hay có tranh chấp trong việc ông Phan Thanh Châu khai thác bạch đàn (BL: 95, 147), điều đó còn được thể hiện rõ tại đơn xin khai thác bạch đàn của ông Tạ Đ ngày 18/4/2005 với nội D ông tạ Đ làm đơn để dọn thực bì, khai thác những cây nguyên sinh còn lại và nộp tỉ lệ phần trăm cho Hợp tác xã (BL: 80).

[1.3] Thứ ba: Hộ gia đình ông Tạ Đ đã được nhận đầy đủ tiền bán cây bạch đàn từ năm 2020, 2003 như những hộ gia đình cùng tham gia dự án khác, điều đó được thể hiện qua việc ông Tạ Đ đại diện cho hộ gia đình ký xác nhận trong các “bảng thanh quyết toán bạch đàn” vào các đợt trong các năm 2002 và 2003. Mặc dù ông Tạ Đ không thừa nhận việc ký vào các bảng thanh quyết toán này. Tuy nhiên, tại bản Kết luận giám định số 313/C54C ngày 04/7/2016 của Viện Khoa học hình sự, phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng đã khẳng định chữ ký “Đ” trong các “bảng thanh quyết toán bạch đàn” nói trên chính là của ông Tạ Đ.

[2] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông Tạ Đ là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số:162/2020/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án Nh dân thị xã H, tỉnh Bình Định.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[3.1] Về án phí: Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Tạ Đ được miễn toàn bộ án phí.

[3.2] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí giám định chữ viết là 4.250.000 đồng. Theo quy định tại Điều 160, 161 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ông Tạ Đ phải chịu số tiền trên và ông Tạ Đ đã nộp chi xong.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm và về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 160, 161, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; Pháp lệnh án phí lệ phí số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Tạ Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số:162/2020/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Toà án Nh dân thị xã H, tỉnh Bình Định.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Đ đối với Hợp tác xã nông nghiệp N.

2.Về án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1 Về án phí: Ông Tạ Đ được miễn toàn bộ án phí. Hoàn trả cho ông Tạ Đ 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền số: 03140 ngày 08 tháng 10 năm 2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Bình Định.

2.2 Về chi phí tố tụng khác: Ông Tạ Đ phải chịu 4.250.000 đồng chi phí giám định chữ viết. Ông Tạ Đ đã nộp chi xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã H;
- CCTHADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tuấn

Đỗ Thị Thắm

Võ Công Phương